

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 71 /QĐ-TMDL ngày 19 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)*

Tên ngành:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	6340114
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng đào tạo:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng là một ngành, nghề có sự kết hợp của khoa học và nghệ thuật quản lý - kinh doanh. Đây là ngành, nghề hỗ trợ phát triển tối đa tư duy hệ thống trong quản lý và cải tiến hiệu quả hệ thống sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, đáp ứng được yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Ngành, nghề Quản trị kinh doanh thực hiện việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của tổ chức, bao gồm việc cân nhắc, tạo ra hệ thống, quy trình và tối đa hóa hiệu quả hoạt động, "quản lý hoạt động kinh doanh" bằng quá trình tư duy và ra quyết định của nhà quản trị. Để kết nối và vận hành được toàn hệ thống hoạt động của tổ chức, người học ngành, nghề quản trị kinh doanh có thể đảm nhận những vị trí việc làm liên quan tại từng bộ phận như: Nhân sự, kinh doanh, marketing, hành chính, trợ lý. Đây là những vị trí việc làm phổ biến trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các công việc của ngành, nghề chủ yếu được thực hiện tại các bộ phận của tổ chức hoặc các cơ sở sản xuất kinh doanh. Do đó, những vị trí việc làm này phải chịu cường độ làm việc cao, chịu áp lực lớn về thời gian và yêu cầu đảm bảo tiến độ kế hoạch kinh doanh của tổ chức. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ, cần phải đảm bảo các điều kiện làm việc thiết yếu như: Môi trường và điều kiện làm việc phải đảm bảo sức khỏe; mặt bằng kinh doanh hợp lý, các loại thiết bị, dụng cụ phù hợp với tiêu chuẩn của từng công việc; các phần mềm giám sát, quản lý sản phẩm; hệ thống thông tin liên lạc tốt; các quy định nội bộ về chuẩn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo các nhà quản trị có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành như: quản trị chất lượng; quản trị mua; quản trị tiêu thụ hàng hoá, quản trị hàng tồn kho, quản trị nhân lực; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị kinh doanh theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập.
- Trình bày được các kiến thức cơ bản của các môn cơ sở ngành như: Lý thuyết quản trị, Marketing căn bản, quản trị tài chính, cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại, thống kê kinh doanh,....
- Vận dụng được những kiến thức về quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị nghiệp vụ kinh doanh, cung ứng dịch vụ thương mại, thương mại điện tử, chiến lược kinh doanh vào các hoạt động của doanh nghiệp.
- Áp dụng được những kiến thức văn hóa, tâm lý kinh doanh để tham gia xây dựng hình ảnh của doanh nghiệp.
- Vận dụng các chức năng quản trị vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm, quản lý và phát triển thương hiệu ở doanh nghiệp

Về kỹ năng

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển thị trường cho doanh nghiệp.
- Phân tích được nguyên nhân của các hiện tượng kinh tế để đưa ra quyết định đúng đắn
 - Tham gia và phối hợp vào các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh
 - Kiểm tra, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm sử dụng có hiệu quả các yếu tố trong sản xuất kinh doanh
 - Lập được các kế hoạch Mua hàng, dự trữ, bán hàng, kế hoạch marketing, kế hoạch nhân lực.
 - Thực hiện tìm kiếm, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán, thương lượng, ký kết hợp đồng, quản trị kho, quản trị dự trữ hàng hóa: xác định số lượng dự trữ, lượng dự trữ hợp lý, tiếp nhận, bố trí, chăm sóc theo dõi kiểm kê hàng, xuất hàng
 - Thực hiện các nghiệp vụ trưng bày hàng hóa, chào hàng, bán và giới thiệu sản phẩm tại các cửa hàng bán lẻ, đại lý, siêu thị.
 - Tổ chức các chương trình chăm sóc khách hàng và tiếp cận khách hàng
 - Tạo lập và quản lý dự án kinh doanh riêng

Về thái độ

- Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập, ý thức chấp hành nội quy, quy chế.
- Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hoá - xã hội, phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng, ý thức và kết quả tham gia các hoạt động tập thể, có thái độ hợp tác, chia sẻ trong thực hiện nhiệm vụ.
- Có động cơ làm việc trong sáng, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, sáng tạo trong công việc.
- Có tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại, giải quyết công việc khoa học, hợp lý.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị kinh doanh có khả năng làm nhân viên kinh doanh; nhân viên bán hàng, thủ kho, nhân viên cung ứng và giao nhận hàng hoá, nhân viên nghiên cứu thị trường, chăm sóc khách hàng, tiếp thị, quảng bá và phát triển sản phẩm. Trưởng ca; tổ trưởng hoặc trưởng hay phó các phòng chức năng ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 98 tín chỉ, tương đương 2.475 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.010 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 746 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.662 giờ
Kiểm tra: 97 giờ
- Thời gian khoá học: 3 năm

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	• Giáo dục Chính trị và Pháp luật: Hiểu biết về các quy định pháp lý cơ bản liên quan đến Quản trị kinh doanh, bảo mật thông tin cá nhân và quyền sở hữu trí tuệ. Nắm vững các nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.
2	NLCB-02	Tin học và Tiếng Anh cơ bản: Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng như Microsoft Office và các công cụ cơ bản của Internet để tìm kiếm thông tin và giao dịch trực tuyến. Giao tiếp cơ bản bằng Tiếng Anh trong môi trường kinh doanh.
3	NLCB-03	Kinh tế vi mô và Marketing căn bản: Hiểu các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, cung và cầu, giá cả và thị trường mục tiêu. Áp dụng các nguyên lý của marketing để phát triển các chiến lược bán hàng đơn giản.
4	NLCB-04	Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh: Duy trì sức khỏe thể chất tốt, đảm bảo khả năng làm việc lâu dài trong môi trường có áp lực cao.

		Hiểu biết cơ bản về an ninh mạng và bảo vệ thông tin cá nhân.
5	NLCB-05	Nhận thức được tổng quan về quản trị, bao gồm quá trình hình thành phát triển các mô hình quản trị, các nhân tố tác động đến kinh tế - xã hội.
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	Xây dựng và quản lý triển khai các hoạt động Marketing trong doanh nghiệp
2	NLCL-02	Xây dựng và quản lý triển khai các hoạt động quản trị nhân sự trong doanh nghiệp.
3	NLCL-03	Xây dựng và quản lý triển khai các hoạt động quản trị bán hàng/mua hàng/ dự trữ hàng hóa trong doanh nghiệp.
4	NLCL-04	Xây dựng và quản lý triển khai các hoạt động cung ứng hàng hóa trong doanh nghiệp.
5	NLCL-05	Nhân biết được các mô hình chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC-01	Hình thành ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh
2	NLNC-02	Lập được các kế hoạch mua bán dự trữ hàng hóa
3	NLNC-03	Lập được các kế hoạch tuyển dụng, đào tạo nhân sự trong doanh nghiệp
4	NLNC-04	Triển khai, thực hiện được các chiến lược Marketing

6. Nội dung chương trình

MH/ MĐ	Mã môn	Tên môn học/ mô đun	TC	ST	Thời gian học tập (giờ)		
					Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/Bài tập, thảo luận	Kiểm tra
I		Các môn học chung/đại cương	21	465	177	263	25
MH0	A066102	Nhập môn e-learning	2	30	20	8	2
MH1	CBCT019	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH2	CBPL020	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH3	GDTC023	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH4	GDQP023	Giáo dục quốc phòng – an ninh	3	75	36	35	4
MH5	CNTH017	Tin học	3	75	15	58	2
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	2	60	21	36	3
MH7	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	2	60	21	36	3
II		Các môn học, mô đun chuyên môn	77	2010	569	1399	72
II.1		Các môn học, mô đun cơ sở	17	285	211	56	18
MH8	KDKH023	Kinh tế vi mô	3	45	30	12	3
MH9	CBCS020	Cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại	2	30	28	0	2
MH10	TCQC023	Quản trị tài chính	2	30	28	0	2
MH11	NNKM122	Tiếng Anh kinh doanh 1	3	45	43	0	2
MĐ12	NNKM222	Tiếng Anh kinh doanh 2	2	60	12	44	4
MH13	KDLQ023	Lý thuyết quản trị	3	45	42	0	3
MH14	KDMC017	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
II.2		Các môn học, mô đun chuyên môn	55	1680	344	1287	49
MH15	KDBH022	Nghiệp vụ bán hàng	3	45	43	0	2
MH16	KDVH019	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	28	0	2
MĐ17	KDMD022	Thương mại điện tử	3	75	15	56	4
MH18	KDCL017	Chiến lược kinh doanh	2	30	28	0	2
MH19	KDLG022	Nghiệp vụ Logistics	3	45	43	0	2
MĐ20	KDQM019	Quản trị marketing	3	60	30	27	3
MH21	KDQL023	Quản trị nguồn nhân lực	2	45	15	27	3
MĐ22	KDQK019	Quản trị nghiệp vụ kinh doanh thương mại	3	60	30	27	3
MH23	KDKT022	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	30	28	0	2
MĐ24	KDTD123	Thực tập nghề nghiệp 1	4	180	0	170	10
MĐ25	KDTD223	Thực tập nghề nghiệp 2	8	360	0	350	10
MH26	KDKQ017	Kinh doanh quốc tế	2	30	28	0	2
MH27	KDCT020	Cung ứng nghiệp vụ thương mại	2	30	28	0	2
MH28	KDGT019	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	30	28	0	2
MĐ29	KDTN017	Thực tập tốt nghiệp	14	630	0	630	
II.3		Môn học, mô đun tự chọn	5	90	48	37	5
MĐ31	NNPT023	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	45	30	12	3
MĐ32	NNSS023	Kỹ năng sẵn sàng làm việc	2	45	18	25	2
		Tổng cộng	98	2475	746	1662	97

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung

Các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Môn học: Giáo dục chính trị (Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018)

- Môn học: Pháp luật (Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018)

- Môn học: Giáo dục thể chất (Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

- Môn học: Giáo dục thể chất (Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

- Môn học: Giáo dục Quốc phòng an ninh Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.)

- Môn học: Tin học (Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.)

- Môn học: Tiếng Anh (Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.)

7.2. Các môn học, mô đun tự chọn

Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khoá;

7.3. Cách thức đào tạo

Chương trình đào tạo được tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ do Hiệu trưởng quyết định cho từng khoá học căn cứ tình hình cụ thể của từng năm học.

Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học các môn học, mô-đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp do hiệu trưởng quyết định, bảo đảm không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ hai đến ba năm học, không vượt quá 02 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ một đến dưới hai năm học, không bao gồm thời gian bảo lưu quy định tại khoản 2 Điều 9 của quyết định này.

Thời gian khóa học đối với người học được miễn trừ hoặc bảo lưu kết quả học tập do đã học được giảm trừ tương ứng với thời gian học các nội dung được miễn trừ.

7.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho hoạt động ngoại khóa

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhà trường dành thời gian cho các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

- Quản lý, giáo dục sinh viên ngoài giờ;

- Tổ chức cho sinh viên tới thăm quan, tìm hiểu tại một số doanh nghiệp liên quan phù hợp với nghề đào tạo;

- Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động Đoàn; các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, các câu lạc bộ ngoại ngữ; các phong trào thi đua nhân dịp kỷ

niệm các ngày lễ lớn: ngày quốc khánh 2/9, ngày giải phóng thủ đô 10/10, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đảng 03/02, ngày thành lập Đoàn 26/03, ngày chiến thắng 30/04 và quốc tế lao động 1/5, ngày sinh nhật Bác 19/05.

- Mặt khác có thể tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động xã hội như: Hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai - lũ lụt, thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh hoặc tuyên truyền phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội, tổ chức giao lưu kết nghĩa giữa nhà trường với địa phương, ...

7.5. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Tất cả các môn học, mô đun đào tạo khi kết thúc đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học theo thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội hiện hành.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành, báo cáo thực tập nghề, báo cáo tốt nghiệp

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thi vấn đáp: 10 phút chuẩn bị + 5-10 phút trả lời.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

7.6. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng ngành, phải tích lũy đủ số mô đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng danh hiệu cử nhân thực hành cho người học.

7.7. Các chú ý khác

- Môn học bắt buộc là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

- Môn học tự chọn là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số môn học quy định cho mỗi chương trình.

- Chương trình cần được thực hiện nghiêm túc đảm bảo tổng số tiết học theo quy định. Thứ tự giảng dạy các môn học môn học phải thỏa mãn điều kiện tiên quyết và vị trí môn học (môn học tiên quyết là đăng ký môn học, mô đun trước thì được đăng ký môn học, mô đun tiếp theo).

- Kết quả của các môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung của học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy và xếp loại tốt nghiệp của người học, nhưng là một trong những điều kiện xét tốt nghiệp.

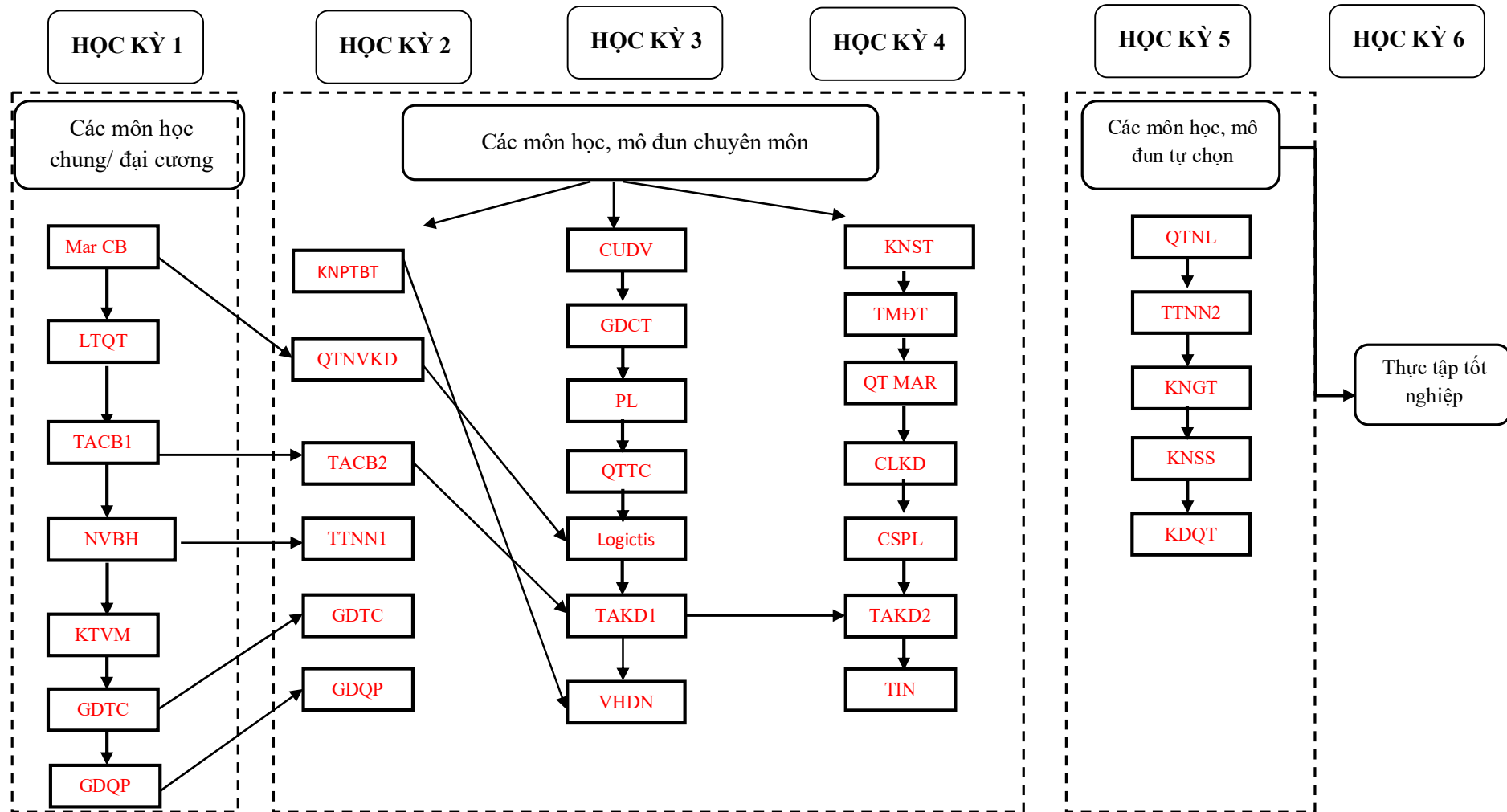
- Một giờ học thực hành/ tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

- Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

- Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

PHỤ LỤC 01

Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo



PHỤ LỤC 02**Kế hoạch giảng dạy dự kiến****HỌC KỲ I**

TT	Tên Môn Học/ Mô Đun	Số TC	Số Giờ
1	Giáo dục thể chất	1	30
2	Tiếng Anh cơ bản 1	3	60
3	Kinh tế học vi mô	3	45
4	Marketing căn bản	2	30
5	Nghiep vụ bán hàng	3	45
6	Lý thuyết quản trị	3	45
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh	1	30
8	Nhập môn Elearning	2	30
	Cộng	18	315

HỌC KỲ II

TT	Tên Môn Học/ Mô Đun	Số TC	Số Giờ
1	Thực tập nghề nghiệp 1	4	180
2	Giáo dục thể chất	1	30
3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	45
4	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	45
5	Tiếng Anh cơ bản 2	3	60
6	Quản trị nghiệp vụ kinh doanh	3	60
	Cộng	17	420

HỌC KỲ III

TT	Tên Môn Học/ Mô Đun	Số TC	Số Giờ
1	Tiếng anh kinh doanh 1	3	45
2	Pháp luật	2	30
3	Cung ứng dịch vụ thương mại	2	30
4	Nghiep vụ Logictics	3	45
5	Văn hóa doanh nghiệp	2	30
6	Quản trị tài chính	2	30
7	Giáo dục Chính trị	3	75
	Cộng	17	285

HỌC KỲ IV

TT	Tên Môn Học/ Mô Đun	Số TC	Số Giờ
1	Tiếng anh kinh doanh 2	2	60
2	Cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại	2	30
3	Tin học	3	75
4	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	30
5	Chiến lược kinh doanh	2	30
6	Thương mại điện tử	3	75
7	Quản trị marketing	3	60
	Cộng	17	360

HỌC KỲ V

TT	Tên Môn Học/ Mô Đun	Số TC	Số Giờ
1	Thực tập nghề nghiệp 2	8	360
2	Kinh doanh quốc tế	2	30
3	Kỹ năng sẵn sàng làm việc	2	45
4	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	30
5	Quản trị nguồn nhân lực	2	45
	Cộng	16	510

HỌC KỲ VI

TT	Tên Môn Học/ Mô Đun	Số TC	Số Giờ
1	Thực tập tốt nghiệp	14	630
	Cộng	14	630

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

I. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn có nội dung bám sát mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, có tính sư phạm cao, dễ dùng, đáp ứng được nhu cầu tự học của người học.

2. Học liệu phục vụ các môn học, mô - đun, tín chỉ đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn được chuẩn bị đầy đủ và ở trạng thái sẵn sàng trước khi tổ chức đào tạo.

3. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn do trường tự thiết kế, sản xuất, thuê, mua ngoài hoặc sử dụng từ các nguồn hợp pháp khác, đảm bảo các quy định về sở hữu trí tuệ.

II. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn bao gồm: hệ thống quản lý học tập và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

2. Hệ thống quản lý học tập:

a) Cổng thông tin: Để công bố, giới thiệu các nội dung về chương trình đào tạo; thông tin tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh.

b) Phân hệ học tập: Để người học truy cập vào các nội dung học tập từ xa và có thể tự học tập, tự đánh giá, nắm bắt được tiến trình, kết quả học tập của bản thân.

c) Phân hệ giảng dạy: Để nhà giáo quản lý học liệu đào tạo từ xa, thiết lập quy luật học, trả bài, thi kiểm tra; theo dõi, tương tác, trợ giúp, hướng dẫn người học; xác thực và kiểm soát quá trình học của học viên; quản lý học viên, lớp học.

d) Phân hệ tổ chức thi: Để trường tổ chức thi, kiểm tra đánh giá ghi nhận tiến trình học tập và kết quả học tập của người học.

đ) Phân hệ lớp học trực tuyến: Để tổ chức các lớp học trực tuyến theo thời gian thực.

e) Ứng dụng trên thiết bị di động: Để thực hiện giảng dạy, học tập dễ dàng, thuận tiện trên các thiết bị di động.

g) Phân hệ báo cáo: Để trích xuất được các thông tin của quá trình đào tạo và các hoạt động của người dạy, người học.

h) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ hỗ trợ, cán bộ quản lý hệ thống để tổ chức đào tạo và quản trị vận hành hệ thống.

3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng phải có đủ băng thông, năng lực đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng; phải duy trì tối thiểu hai hệ thống hạ tầng kỹ thuật để dự phòng lẫn nhau.

4. Khuyến khích thuê ngoài hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn hoặc hợp tác với các đơn vị cung cấp giải pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn để tiết kiệm chi phí đầu tư và chi phí vận hành. Khi thuê ngoài hay hợp tác các đơn vị cung cấp giải pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải đáp ứng các yêu cầu về hệ thống máy chủ, bảo mật, hạ tầng lưu trữ và an toàn dữ liệu theo quy định của pháp luật.